

2. Danh từ

Bài tập 1. Phân loại danh từ thành đếm được (Countable) hoặc không đếm được (Uncountable)

Đáp án

Countable (đếm được): apple, desk, pen, computer

Uncountable (không đếm được): water, sugar, bread, milk, rice

Bài tập 2. Chọn danh từ đúng dạng (số ít hay số nhiều) để hoàn thành câu

Đáp án

1. child	2. women	3. boxes
4. money	5. sheep	

Bài tập 3. Hoàn thành đoạn văn ngắn bằng danh từ thích hợp (gợi ý trong ngoặc)

Đáp án

1. mother	2. school	3. books
4. books	5. store	6. grandmother

Bài tập 4. Viết sang dạng danh từ số nhiều của các danh từ trong câu

Đáp án

1. people	2. children	3. sheep
4. students	5. men	6. housewives

Bài tập 5. Chữa những lỗi sai (nếu có) trong các câu sau đây.

Đáp án

1. There is much dirt on the floor.
2. We want more fuel than that.
3. He drank two glasses of milk.
4. Ten pens are needed for our class.
5. He sent me much food.
6. Much gold is found there.

Bài tập 6. Chọn danh từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu.

Đáp án.

1. water
2. mice
3. rice
4. ink
5. deer

Bài tập 7. Phân biệt danh từ số ít – số nhiều – không đếm được. Singular (S), Plural (P) hoặc Uncountable (U).

Đáp án

1. S
2. P
3. U
4. S
5. P
6. U
7. P
8. U
9. S
10. P

Bài tập 8. Chuyển từ cụm từ sang danh từ ghép

Đáp án

1. schoolbag
2. washing machine
3. bedroom
4. coffee table
5. sports shoes
6. doghouse

Bài tập 9. Dùng mỗi danh từ sau để viết một câu đơn giản.

Từ cho sẵn:

Đáp án gợi ý

1. The teacher is kind.
2. I read a book every day.

3. He drinks milk in the morning.
4. The children are playing in the park.
5. We go to school by bus.